

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin  
và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-KĐCLGDTL ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 19 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Phan Châu Trinh và 06 chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 19 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa trình độ đại học cho Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHCNTTTT, ĐHTN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Phí Thị Nguyệt Thanh**



## Phụ lục I

### Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

### Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                 |                           |
|----------------------|-------------------|--------------------------|-----------------|---------------------------|
|                      |                   | Mức trung bình           | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>  |                   | 3,67                     | 2               | 66,67                     |
| Tiêu chí 1.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 1.2         | 3                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 1.3         | 4                 | 4,00                     | 3               | 100                       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>  |                   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 2.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 2.2         | 4                 | 3,67                     | 2               | 66,67                     |
| Tiêu chí 2.3         | 4                 |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>  |                   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 3.1         | 4                 | 4,00                     | 3               | 100                       |
| Tiêu chí 3.2         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 3.3         | 4                 |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>  |                   | 3,80                     | 4               | 80                        |
| Tiêu chí 4.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 4.2         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 4.3         | 4                 | 4,00                     | 7               | 100                       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>  |                   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 5.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 5.2         | 4                 | 4,00                     | 7               | 100                       |
| Tiêu chí 5.3         | 3                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 5.4         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 5.5         | 4                 | 4,00                     | 7               | 100                       |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>  |                   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 6.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 6.2         | 4                 | 4,00                     | 7               | 100                       |
| Tiêu chí 6.3         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 6.4         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 6.5         | 4                 | 4,00                     | 7               | 100                       |
| Tiêu chí 6.6         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 6.7         | 4                 |                          |                 |                           |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                 |                           |
|----------------------|-------------------|--------------------------|-----------------|---------------------------|
|                      |                   | Mức trung bình           | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>  |                   | 4,00                     | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 7.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 7.2         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 7.3         | 4                 | 4,20                     | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 7.4         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 7.5         | 4                 |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>  |                   | 4,20                     | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 8.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 8.2         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 8.3         | 4                 | 4,20                     | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 8.4         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 8.5         | 5                 |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>  |                   | 4,20                     | 5               | 100                       |
| Tiêu chí 9.1         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 9.2         | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 9.3         | 4                 | 3,83                     | 5               | 83,33                     |
| Tiêu chí 9.4         | 5                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 9.5         | 4                 |                          |                 |                           |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b> |                   | 3,83                     | 5               | 83,33                     |
| Tiêu chí 10.1        | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.2        | 3                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.3        | 4                 | 3,60                     | 3               | 60,00                     |
| Tiêu chí 10.4        | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.5        | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 10.6        | 4                 | 3,60                     | 3               | 60,00                     |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b> |                   |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.1        | 3                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.2        | 4                 | 3,60                     | 3               | 60,00                     |
| Tiêu chí 11.3        | 4                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.4        | 3                 |                          |                 |                           |
| Tiêu chí 11.5        | 4                 | 3,60                     | 3               | 60,00                     |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 3,92           | 44              | 88                        |



## Phụ lục II

### Kiến nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

### Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐKĐCLGD ngày 31/5/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

## I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, chỉnh sửa trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan, được phê duyệt và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trên các loại ấn phẩm khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung cơ bản cần thiết, cập nhật các nội dung mới có liên quan. Các đề cương học phần có các thông tin cơ bản cần thiết, được rà soát cập nhật bổ sung. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần một cách dễ dàng và thuận tiện trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm với các nhóm học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở nhóm ngành, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Chương trình dạy học có xác định tổ hợp các phương pháp dạy - học, học tập phù hợp với tất cả các học phần nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện thông qua ma trận quan hệ giữa các chuẩn đầu ra của CTĐT với các phương pháp dạy học. Trong đề cương học phần, các phương pháp giảng dạy, trọng số và cách tính điểm của học phần được xây dựng theo đặc thù từng môn, có các rubrics để hướng dẫn cho việc đánh giá. Các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý, được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

4. Trường áp dụng Triết lý giáo dục “Giáo dục toàn diện lấy người học làm trung tâm; đào tạo hình mẫu của công dân số; kiến tạo tương lai, nuôi dưỡng lòng nhân ái” phù hợp với bối cảnh hội nhập hiện nay, được cán bộ, giảng viên, người học hiểu và thực hiện. Giảng viên bộ môn sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập, giảng dạy và hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Các đề cương học phần mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy, học tập phù

hợp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cho người học, thúc đẩy tự nghiên cứu/tự học, thực hiện đồ án tốt nghiệp hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

5. Nhà trường đã thiết lập hệ thống văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, hướng dẫn lựa chọn và sử dụng phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, hướng dẫn đánh giá thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp. Khoa đã lựa chọn các phương pháp đánh giá kết quả học tập khác nhau, phù hợp đối với từng học phần cụ thể trong đề cương học phần như: tự luận, làm bài tập, báo cáo, vấn đáp, trắc nghiệm... Trường có quy trình, hướng dẫn chấm phúc khảo được công bố công khai, kịp thời đến người học. Sinh viên được cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống phần mềm để tra cứu điểm theo đúng tiến trình học tập.

6. Trường có quy hoạch phát triển đội ngũ thể hiện trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030. Khoa có đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và trình độ. Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được ban hành khá đầy đủ, được công bố công khai trên trang website của Trường/Khoa. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện cơ bản theo kế hoạch. Khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên/nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định, có quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh cụ thể làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Quy định hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp tới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

7. Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể tên vị trí việc làm, khung năng lực và mô tả công việc chi tiết cho từng vị trí nhân viên. Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên. Số lượng và trình độ đội ngũ cán bộ làm việc tại các phòng, ban, khoa đáp ứng yêu cầu. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện theo các quy định của Đại học Thái Nguyên, của Trường với quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Việc đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động được hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, phân loại. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị chức năng.

8. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá và cập nhật hằng năm thông qua đề án tuyển sinh, bảo đảm phù hợp với quy định của Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo; được công bố công khai tới các bên liên quan với nhiều hình thức. Hoạt động tư vấn và quảng bá tuyển sinh được chú trọng và triển khai hiệu quả. Hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập và vận hành hiệu quả; được thực hiện chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Sự tiến bộ trong học tập và rèn

luyện của người học được giám sát kịp thời, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi và xuất sắc cao và tăng dần từng năm. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tín chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho sinh viên được nhà trường chú trọng có phân công riêng cho các đơn vị/bộ phận/cá nhân thực hiện và triển khai theo kế hoạch và triển khai một cách có hệ thống và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên trong cải thiện học tập và đáp ứng yêu cầu tìm việc làm của sinh viên. Sinh viên tốt nghiệp sớm tìm được việc làm và có tỉ lệ việc làm cao. Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm theo các năm trong giai đoạn đánh giá được người học đánh giá cao. Các chính sách, nội quy, quy chế, quy định đối với sinh viên được công bố công khai trang thông tin điện tử của Trường, được in trong sổ tay sinh viên, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Các hoạt động về y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn trường học... được Trường thực hiện bài bản, bảo đảm theo quy định, được ghi nhận của cơ quan chức năng. Sinh viên được bảo đảm đầy đủ các quyền lợi; được hỗ trợ, được miễn giảm học phí và được cấp học bổng... Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Hệ thống hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học và các phòng chức năng được đầu tư tương đối đồng bộ, đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/người học chính quy quy đổi với đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện có không gian đọc rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận tài liệu in và tài liệu số. Hệ thống quản lý thư viện được vận hành bằng phần mềm Elib, nguồn học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống phòng thực hành chuyên ngành đầy đủ các thiết bị đặc thù phù hợp với đặc điểm của CTĐT, được bảo trì, nâng cấp định kỳ hằng năm và có cán bộ kỹ thuật chuyên trách theo dõi, quản lý. Hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ, hiện đại với mạng Internet tốc độ cao. Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý và đào tạo thông qua các phần mềm. Các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn được Trường cụ thể hóa bằng văn bản và được triển khai đồng bộ, có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Môi trường học tập an toàn, thân thiện và xanh - sạch - đẹp. Hệ thống y tế học đường hoạt động hiệu quả, đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên và người lao động. Công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự được triển khai nghiêm túc, có đội phòng cháy chữa cháy cơ sở và hệ thống giám sát an ninh 24/7.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Có quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và có một số nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động

dạy và học; các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban Giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỷ lệ thời học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngày một tốt hơn.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Chính sửa lại mục tiêu chung để xác định rõ hơn định hướng của CTĐT (nghiên cứu hay ứng dụng); cải tiến quy trình khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phản hồi từ các bên liên quan để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn phục vụ cho việc hoàn thiện hơn mục tiêu của CTĐT; diễn đạt tường minh động từ hành động của các chuẩn đầu ra phù hợp với cấp độ nhận thức và kỹ năng của người học; bổ sung các chuẩn đầu ra về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng phản biện; mở rộng phạm vi khảo sát các bên liên quan, nhất là các đối tượng khó tiếp cận như các chuyên gia, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp để thu thập được các ý kiến đa chiều phục vụ cho việc hoàn thiện chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Có các giải pháp kết nối hữu hiệu hơn thông qua các mối liên kết với các cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực theo nhu cầu của xã hội để có thể khai thác phục vụ cho việc cải tiến và cập nhật bản mô tả CTĐT; bổ sung đa dạng hơn về tài liệu tham khảo cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của CTĐT; tăng cường truyền thông, phổ biến về bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để các bên liên quan hiểu và có nhiều đóng góp cho việc rà soát và hoàn thiện cho lần cập nhật tiếp theo.

3. Rà soát nội dung hướng dẫn đánh giá của các rubrics trong đề cương học phần để có thể thấy rõ, đầy đủ mối liên hệ với nội hàm của các chuẩn đầu ra học phần; nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng nội hàm các chuẩn đầu ra của CTĐT để có những điều chỉnh phù hợp, bảo đảm sự đóng góp đầy đủ, rõ ràng của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra; rà soát và phân nhiệm đúng, đầy đủ mức độ đóng góp của mỗi học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; lựa chọn thêm nhiều CTĐT trong và ngoài nước để đối sánh, nghiên cứu sâu hơn việc tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá để áp dụng vào CTĐT của Trường.

4. Bổ sung nội dung triết lý giáo dục trên Sổ tay sinh viên hàng năm; định kỳ tổ chức khảo sát các bên liên quan về mức độ thấu hiểu, khả năng vận dụng triết lý giáo dục vào các hoạt động chuyên môn để từ đó có giải pháp phổ biến triết lý giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng; phân tích, đánh giá các số liệu và thông tin thu thập được qua khảo sát, đối sánh giữa các học phần và giữa các năm để có được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng để tăng thời lượng rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên; nghiên cứu giải pháp khuyến khích sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu đọc thêm và tham gia tích cực hơn vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.

5. Ban hành văn bản hướng dẫn kiểm tra đánh giá người học về mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, phân tích kết quả điểm thi các học phần (lập phổ điểm thi), các công cụ hướng dẫn, quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá học phần ở từng học kỳ để đánh giá và đúc rút kinh nghiệm, đề xuất cải tiến việc ra đề thi và lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng học phần, bảo đảm đo lường được mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần; rà soát, thiết kế lại nội dung các rubrics hướng dẫn đánh giá để có thể bảo đảm đo lường được đầy đủ, chính xác mức độ đạt được của chuẩn đầu ra từng học phần.

6. Có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ gắn với yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để có kết quả đối sánh làm căn cứ đề xuất chính sách cho phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên của trường trong từng giai đoạn; xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) về phục vụ cộng đồng để quản trị, đánh giá giảng viên/nghiên cứu viên hàng năm và định kỳ; có phần mềm quản lý giảng viên/nghiên cứu viên, với các dữ liệu liên quan đến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tham gia công tác đào tạo bồi dưỡng theo quy định làm căn cứ cho việc quản trị, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ trong việc khen thưởng tạo động lực cho đội ngũ giảng viên/nghiên cứu viên; tăng cường các nội dung bồi dưỡng giảng viên/nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thông qua các nội dung đã thực hiện; phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên để xác định mức độ đáp ứng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ dựa trên giải pháp đề cập trong Chiến lược phát triển Trường, có đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các Khoa trong Trường và cơ sở giáo dục khác trong phạm vi Đại học Thái Nguyên làm căn cứ xây dựng chiến lược, chính sách phát triển khoa học công nghệ của Trường.

7. Rà soát, bổ sung và tách các đối tượng khảo sát để đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; rà soát, đánh giá và đưa ra các biện pháp truyền thông có hiệu quả để hỗ trợ trong công tác tuyển dụng, đảm bảo tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng với yêu cầu cần phát triển của Trường; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc có tính định lượng, để đo lường phù hợp với từng vị trí công việc; phân tích sâu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ

nhân viên; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng với mục tiêu chiến lược và tầm nhìn của Trường đã đặt ra; rà soát và xây dựng lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng.

8. Sử dụng các thông tin vĩ mô về kinh tế - xã hội để phân tích nhu cầu nguồn đào tạo nhân lực và tăng cường hơn nữa việc điều tra đánh giá đúng nhu cầu đào tạo trong phân khúc thị trường lao động ở Thái Nguyên, Trung du miền núi phía Bắc và các tỉnh phía Bắc để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh; quan tâm việc truyền thông tuyển sinh thông qua cựu sinh viên thành đạt; xây dựng chiến lược truyền thông và đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên làm công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh chuyên nghiệp nhằm thu hút người học, tăng số lượng thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học; tổ chức đánh giá về việc thực hiện giám sát của các đơn vị được phân công trong việc theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện; thực hiện đánh giá sự phối hợp của hệ thống giám sát giữa các đơn vị để theo dõi, giám sát và sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; tổng kết, phân tích đối sánh kết quả giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện, tỉ lệ thôi học, học vượt, học chậm... để từ đó tìm ra nguyên nhân và có biện pháp cải tiến chất lượng; rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm để các đơn vị xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học; tập trung hỗ trợ khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học, đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên; tổ chức tọa đàm giữa các chuyên gia, các cựu sinh viên với sinh viên năm cuối để chuẩn bị kiến thức cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường; tăng cường giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp; xây dựng Cổng thông tin việc làm với các thông tin tuyển dụng được cập nhật thường xuyên, kịp thời để hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp; thông qua sổ theo dõi tình hình việc làm của sinh viên để đánh giá và đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, CTĐT, phương pháp dạy học hoặc những thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng văn bản riêng quy định về quy tắc ứng xử cho người học dưới dạng “quy tắc” bảo đảm ngắn gọn dễ nhớ, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận, dễ dàng thực hiện và lan toả phổ biến thường xuyên cho sinh viên trong các buổi sinh hoạt, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá.

9. Rà soát hiện trạng và xây dựng kế hoạch mở rộng diện tích làm việc cho giảng viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư hiện đại hóa thư viện, bổ sung các phòng đọc chuyên ngành, phòng học nhóm, phòng nghe nhìn; cập nhật, bổ sung giáo trình và học liệu theo Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phát triển nền tảng phần mềm tích hợp tổng thể nhằm đồng bộ hóa các hệ thống đang vận hành tạo thuận lợi chia sẻ dữ liệu và quản lý tập trung; rà soát, ban hành một bộ quy định thống nhất về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn, cập nhật theo quy định pháp luật hiện hành.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở

ngoài trường khi xây dựng/rà soát CTĐT; có cơ chế giám sát việc thực hiện quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các Khoa/Bộ môn; thường xuyên thực hiện hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan đánh giá về hoạt động của thư viện, phòng thực hành/thí nghiệm và các dịch vụ hỗ trợ khác; có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hoà nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành với nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Có các giải pháp phù hợp để giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ tốt nghiệp khóa học, đặc biệt số sinh viên còn tồn đọng do thiếu điểm các học phần, các chứng chỉ; có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách có sinh viên tốt nghiệp trước hạn, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng; chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sinh viên về quy trình thực hiện, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng; khuyến khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với người những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Thiết kế đồ họa, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.